

NĂM LOẠI TÔN TƯỢNG THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Theo Truyền Thống Mật Giáo, để có thể rộng độ Chúng Sinh, chư Phật đã giảng dạy các Giáo Pháp tu hành qua Pháp tu Thiên Thủ Quán Âm. Tuy nhiên để phù hợp với căn cơ của từng loại chúng sinh nên chư Phật, chư Tổ đã vận dụng từng loại hình tượng kèm theo Chân Ngôn và Ấn Khế để giáo hóa.

A_ Vì muốn cho Chúng Sinh tự thấu ngộ rằng mình vốn có Lý Trí đầy đủ, **Giác Đạo** (Buddha-mārga) viên mãn chỉ vì **Vô Minh** (Avidya) che lấp mà chưa hiển lộ nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Quán Âm** có 497 đầu mặt xếp làm ba tầng trên mào mặt chính, bên phải mặt chính có mặt Liên Hoa màu xanh, bên trái mặt chính có mặt Kim Cương màu trắng (Tổng cộng là 500 đầu mặt), Thân có một ngàn cánh tay trong đó có 42 tay cầm khí tượng biểu thị cho việc thâm nhập vào 42 Tự Môn để tự chứng ngộ được Chính Pháp Giải Thoát. Danh hiệu của Tôn này là **Thiên Thủ Thiên Quang Nhân Đại Liên Hoa Vương** và Pháp chính của Ngài là **Liên Hoa Phật** (Padma-buddha)



42 tay tương ứng với 42 Tự Mẫu là:

1) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ A (A_ 𑖀) thời hiện ra tay **Hóa Phật**, ngộ tất cả Pháp *vốn chẳng sinh*.

2) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA (LA_ 𑖃) thời hiện ra tay cầm cái **Gương báu**, ngộ tất cả Pháp *liạ bụi dơ*

3) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ BẢ (PA_ 𑖄) thời hiện ra tay cầm quyền Kinh **Bát Nhã**, ngộ tất cả Pháp *Thắng Nghĩa Đé chẳng thể đắc*.

4) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TẢ (CA_ 𑖅) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen tím**, ngộ tất cả Pháp *không có các Hành, không có sinh tử*.

5) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NẶNG (NA_ 𑖆) thời hiện ra tay cầm viên ngọc Như Ý (**Ma Ni Châu**), ngộ tất cả Pháp *Tính Tướng chẳng thể đắc*.

6) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA (LA_ 𑖃) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen xanh**, ngộ tất cả Pháp *Xuất Thế Gian nên ưa thích sự vĩnh viễn chẳng hiện của CHI NHÂN DUYÊN*.

7) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NÁ (DA_ 𑖇) thời hiện ra tay cầm **cây Búa báu**, ngộ tất cả Pháp *điều phục tịch tĩnh Chân Như bình đẳng không có phân biệt*.

8) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ MA (BA_ 𑖈) thời hiện ra tay cầm **Chày Độc Cổ Kim Cương**, ngộ tất cả Pháp *liạ cột giải*.

9) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NOA (ĐA_ 𑖉) thời hiện ra tay cầm **nhành Dương Liễu**, ngộ tất cả Pháp *liạ nóng bức ô uế, được mát mẻ trong sạch*.

10) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SÁI (SA_ 𑖊) thời hiện ra tay **Vô Úy Dữ Nguyễn**, ngộ tất cả Pháp *không có trở ngại*.

11) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ PHỘC (VA_ 𑖋) thời hiện ra tay cầm cái **Chuông báu**, ngộ tất cả Pháp *cắt đứt đường ngôn ngữ*.

12) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐA (TA_ 𑖌) thời hiện ra tay cầm Bánh Xe Kim Cương (**Kim Cương Luân**), ngộ tất cả Pháp *Chân Như bất động*.

13) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ DẢ (YA_ 𑖍) thời hiện ra tay cầm **Tràng Hạt** (Sổ Châu), ngộ tất cả Pháp *Như Thật chẳng sinh*.

14) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SẮT-TRA (STA_ 𑖎) thời hiện ra tay cầm **chùm Bồ Đào**, ngộ tất cả Pháp về tướng *Chế Phục Nhậm Trì chẳng thể đắc*.

15) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ CA (KA_ 𑖏) thời hiện ra tay **Xả Ma Tha** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Tác Giả chẳng thể đắc*.

16) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA (SA_ 𑖐) thời hiện ra tay **Tỳ Bát Sa Ma** (Tay phải), ngộ tất cả Pháp *THỜI Bình Đẳng Tính chẳng thể đắc*.

Hai tay này biểu thị cho Lý Trí kết thành **Định Ấn**, bên trên Ấn có đặt cái **Bình Bát báu**.

17) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ MẶNG (MA_ 𑖑) thời hiện ra tay cầm **cây Phất Trần trắng**, ngộ tất cả Pháp *Ngã Sở Chấp Tính chẳng thể đắc*.

18) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NGA (GA_ 𑖒) thời hiện ra tay cầm cái Vòng Ngọc (**Ngọc Hoàn**), ngộ tất cả Pháp *Hành Thủ Tính chẳng thể đắc*.

19) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THA (THA_ 𑖓) thời hiện ra tay cầm cái rương báu (**Bảo Khiếp**), ngộ tất cả Pháp *xử sở chẳng thể đắc*.

20) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NHA (JA_ 𑖔) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen hồng**, ngộ tất cả Pháp *Nặng Sở sinh khởi chẳng thể đắc*.

21) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA-PHỘC (SVA_ 𑖕) thời hiện ra tay cầm **Sợi Dây** (Quyển Sách), ngộ tất cả Pháp *An Ấn Tính chẳng thể đắc*.

22) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐÀ (DHA_ ㄉ) thời hiện ra tay cầm **Nhật Tinh Ma Ni**, ngộ tất cả Pháp *Năng Trì Giới Tính chẳng thể đắc*.

23) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XÁ (ŚA_ ㄒ) thời hiện ra tay cầm **Nguyệt Tinh Ma Ni**, ngộ tất cả Pháp *Tịch Tĩnh Tính chẳng thể đắc*.

24) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ KHU (KHA_ ㄎ) thời hiện ra tay cầm **Bàng Bài**, ngộ tất cả Pháp *Như Hư Không Tính chẳng thể đắc*.

25) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ KHẮT-SÁI (KṢA_ ㄎ) thời hiện ra tay cầm cây **Tịch Trượng**, ngộ tất cả Pháp *Cùng Tận Tính chẳng thể đắc*.

26) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐA-SA (STA_ ㄊ) thời hiện ra tay cầm **Cung Điện báu**, ngộ tất cả Pháp *Nhậm Trì Xứ Phi Xứ khiến cho Tính Bất Động chuyển chẳng thể đắc*.

27) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NUÔNG (ÑA_ ㄋ) thời hiện ra tay cầm **Trí Ấn**, ngộ tất cả Pháp *Năng Sở Trì Tính chẳng thể đắc*.

28) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA-THA (RTHA_ ㄌ) thời hiện ra tay cầm cây **Gậy Đầu Lô**, ngộ tất cả Pháp *Chấp Trước Nghĩa Tính chẳng thể đắc*.

29) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ BÀ (BHA_ ㄅ) thời hiện ra tay cầm cây **kiếm báu**, ngộ tất cả Pháp *Khả Phá Hoại Tính chẳng thể đắc*.

30) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THA (CHA_ ㄔ) thời hiện ra tay cầm cái **Hồ Bình**, ngộ tất cả Pháp *Dục Lạc Phú Tính chẳng thể đắc*.

31) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA-MA (SMA_ ㄝ) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen trắng**, ngộ tất cả Pháp *Khả Ưc Niệm Tính chẳng thể đắc*.

32) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ HA-PHỘC (HVA_ ㄏ) thời hiện ra tay cầm cây **Thiệt Câu**, ngộ tất cả Pháp *Khả Hộ Triệu Tính chẳng thể đắc*.

33) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐÁ-SA (TSA_ ㄊ) thời hiện ra tay cầm **Bạt Chiết La**, ngộ tất cả Pháp *Dũng Kiện Tính chẳng thể đắc*.

34) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ GIÀ (GHA_ ㄍ) thời hiện ra tay **Từ Niệm Định** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Nguyên (cái nguồn) Bình Đẳng Tính chẳng thể đắc*.

35) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XÁ (ṬHA_ ㄒ) thời hiện ra tay **Bi Niệm Tuệ** (tay phải), ngộ tất cả Pháp *Tích Tập Tính chẳng thể đắc*.

Hai tay Định Tuệ này hợp thành **Liên Chương** an trước ngực.

36) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NINH (ṆA_ ㄋ) thời hiện ra tay cầm cây **Kích Sao**, ngộ tất cả Pháp *liạ các Huyền Thỉnh Vô Vãng Vô Lai Hành Trụ Tọa Ngọa (Không qua không lại, đi đứng ngồi nằm) chẳng thể đắc*.

37) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ PHẢ (PHA_ ㄆ) thời hiện ra tay cầm cây **Cung báu**, ngộ tất cả Pháp *Biến Mãn Quả Báo chẳng thể đắc*.

38) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XA-CA (SKA_ ㄝ) thời hiện ra tay cầm **Mũi Tên báu**, ngộ tất cả Pháp *Tích Tụ uân Tính chẳng thể đắc*.

39) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ DÃ-SA (YSA_ ㄊ) thời hiện ra tay cầm cái **Bình Quân Trì**, ngộ tất cả Pháp *Suy Lão Tính Tướng chẳng thể đắc*.

40) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THẮT-TẢ (ŚCA_ ㄊ) thời hiện ra tay cầm đám **Mây Ngũ Sắc**, ngộ tất cả Pháp *Tụ Tập Túc Tích chẳng thể đắc*.

41) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TRA (ṬA_ ㄊ) thời hiện ra tay **Định** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Tướng Khu Bách (thúc ép) Tính chẳng thể đắc*.

42) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TRÀ (DHA_ ㄊ) thời hiện ra tay **Tuệ** (tay phải), ngộ tất cả Pháp *Cứu Cánh Xứ Sở chẳng thể đắc*.

Hai tay Định Tuệ này hợp đưa lên trên đỉnh đầu an vị Hóa Phật thành tay **Đỉnh Thượng Hóa Phật**.

Câu xưng tán Thiên Thủ Thiên Quang Nhân Đại Liên Hoa Vương Bồ Tát là:

ॐ नमः सहस्रं सुखं सहस्रं ज्वलन्त्रं मन्त्रशरं सत् संपद्यन्त्य
ॐ

NAMO SAHASRA BHŪJAYA SAHASRA-JVALA-NETRE MAHĀ-PADMA-RĀJA _ SARVA APĀYAJAHĀYA VISUDDHA.

Tâm Chú Của Tôn này là:

ॐ वज्रधर्म ह्रीं

OM_ VAJRA-DHARMA HRĪH

Thủ Ấn của Tôn này là **Cửu Phong Mật Ấn**: Hai tay kết Kim Cương Hợp Chưởng (Vajra-jalim) hơi cong ngón tay lia tướng Hợp Chưởng. Hợp 2 Độ Nhân Nguyệt (2 ngón giữa) với nhau, đều dựng 4 Độ Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) liên thành.



Ấn này làm hình 9 ngọn núi. 2 ngón út, 2 ngón cái là 4 ngọn. 2 ngón trỏ, 2 ngón vô danh là 4 ngọn. 2 ngón giữa hợp thành một ngọn, tổng cộng thành 9 ngọn , Năng Cư và Sở Cư đồng một Thể. Do đó Tướng của Căn Bản Ấn biểu thị cho 9 ngọn núi, đây là 4 Trí của 2 Bộ. 8 ngón tay biểu thị cho 8 Đức, 2 ngón giữa là một Trí của Bình Đẳng biểu thị cho Tổng Đức, nên thường dịch là Cửu Phong Mật Ấn

B_ Vì muốn giúp cho Chúng Sinh phá tan phiền não chướng đang ngăn che ánh sáng Thắng Diệu của Trí Tuệ bản nhiên trong tâm của mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Thiên Nhân Thập Nhất Diện Quán Thế Âm**.

Ngài có thân màu trắng. 11 mặt xếp thành 5 tầng :

3 mặt của tầng một có mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh lục, mặt bên trái màu đỏ

3 mặt của tầng thứ hai có mặt chính giữa màu xanh lục, mặt bên phải màu đỏ, mặt bên trái màu trắng

3 mặt của tầng thứ ba có mặt chính giữa màu đỏ, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lục. Tất cả khuôn mặt đều có mắt dài và nhỏ như đang mỉm cười

1 mặt của tầng thứ tư là khuôn mặt màu đen biểu lộ sự phẫn nộ, miệng lộ răng nanh, có 3 mắt và tóc màu cam dựng đứng

1 mặt của tầng thứ năm là khuôn mặt hiền hòa màu đỏ đội vương miện

2 tay đầu tiên chấp lại trước ngực cầm viên ngọc báu

Bên phải : Tay thứ hai cầm tràng hạt, tay thứ ba kết Diệu Thí Thắng Ấn, tay thứ tư cầm Pháp Luân

Bên trái : Tay thứ hai cầm hoa sen vàng, tay thứ ba cầm bình có chứa nước Cam Lộ, tay thứ tư cầm cung tên

992 tay còn lại đều mềm mại như những cánh sen kết Diệu Thí Thắng Ấn.

Trong mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, không một cánh tay nào vượt quá vương miện và cũng không buông thấp quá đầu gối

Ngực trái của Ngài được che bằng miếng da hươu. Trang phục bên dưới làm bằng lụa vải tốt, thắt lưng bằng vàng có nạm ngọc quý, vương miện cũng nạm ngọc quý và thân của Ngài được trang điểm bằng mọi loại báu như vòng, xuyên, anh lạc, lụa nhiều màu ... tỏa ánh hào quang sáng ngời.



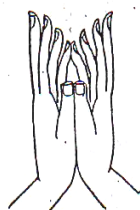
Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Kim Cương** (Padma-vajra)

Tâm Chú của Tôn này là:

ॐ मणिपद्मे ह्रूं ह्रीः

OM_ MANI PADME HŪM HRĪH

Thủ Ấn của Tôn này là **Bát Diệp Ấn**: Chắp 2 tay lại giữa trán không. 2 ngón cái, 2 ngón út cùng hợp nhau dựng đứng. 6 ngón còn lại bung duỗi thẳng như hình hoa sen nở. Kết Ấn xong. Quán tưởng trên Ấn có viên ngọc Như Ý.



Do Tôn này biểu thị cho lực gia trì của Kim Cương Bộ trong Quán Âm Bộ nên Mật Giáo Tây Tạng thường truyền dạy Pháp tu theo Tôn này.

C_ Vì muốn cho Chúng Sinh nuôi lớn Phước Đức đang tiềm ẩn trong tâm của mình khiến cho họ tự nhận biết rằng mình vốn có đầy đủ Công Đức như chư Phật không khác nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Quán Âm với 27 đầu mặt** xếp thành 5 tầng, biểu thị cho 9 Giới hiền Phật Giới. Thân có 42 tay cầm khí tượng và 958 tay còn lại xếp vòng quanh thân.



Tôn này biểu thị cho Đức **Pháp Tài** và có danh hiệu là **Thiên Thủ Quán Âm**. Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Ma Ni** (Padma-maṇi)

Chân Ngôn của Tôn này là: **Thế Tôn Thánh Giả Thiên Nhân Thiên Thủ Thiên Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại Bồ Đề Tát Đồa Đát Phộc Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**

ॐ नमो रत्नत्रयै

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy mệnh Tam Bảo

ॐ नमो अर्यावलोकितेश्वर्या बोधिसत्व्या महसत्व्या महाकरुण्य

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNIKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

महाराय मरुसक्य मरुसपाय मरुसपद्य मरुसकक्य मरुसकुस्य

MAHĀ-VĪRĀYA, SAHASRA AKṢĀYA, SAHASRA ŚIRṢĀYA, SAHASRA PADĀYA, SAHASRA JIHVĀYA, SAHASRA BHUJĀYA: Đấng Đại Dũng Mãnh có ngàn mắt, ngàn đầu, ngàn chân, ngàn lưỡi, ngàn cánh tay

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

EHI BHAGAVAN ĀRYA AVALOKITEŚVARA: Đức Thánh Quán Tự Tại Thế Tôn như vậy

उग्र सत्य उग्र मह उग्र मह नद

UGRA SATYA UGRA MAHĀ-UGRA MAHĀ-NĀDA: Đấng có uy đức, uy đức chân thật, uy đức to lớn, phát ra năng lực dưới hình thức âm thanh to lớn

किं किं किं किं

KILI KILI KILI KILI: Găm chặt, găm chặt

मिलि मिलि मिलि मिलि

MILI MILI MILI MILI: Ngăn chặn, cản trở

चिलि चिलि चिलि चिलि

CILI CILI CILI CILI: Lập lại lâu dài

नातु नातु नातु नातु

NAṬU NAṬU NAṬU NAṬU: Hướng dẫn đi đường

क्रसा क्रसा क्रसा क्रसा

KRASA KRASA KRASA KRASA: Nhu thuận

कुरु कुरु कुरु कुरु

KURU KURU KURU KURU: Tác làm

एहि मह विरा

EHYEHI MAHĀ-VĪRA: Hãy khéo đến! Hỡi Đấng Đại Dũng Mạnh

वाम ददा

VARAM DADA: Ban bố ước nguyện

विर्यमि ददा

VĪRYAMĪ DADA: Ban bố sự tinh tiến

सर्व काम मे प्रयच्छ

SARVA KĀMAṀ ME PRAYACCHA: Mau lẹ ban cho tôi tất cả sự mong ước yêu thích

सिंघम वसम मे रास्ता

ŚĪRGHAM VAŚAM ME RĀṢṬA : Giáo hóa ước mơ của tôi

सराजकम कुरु

SARĀJAKAM KURU: Tác làm hành động của vị vua tốt (Thiện Vương)

सहस्र भुजा सहस्र विरा लोकेश्वर सदय सहस्र सिद्धि सरव

SAHASRA BHUJA SAHASRA VĪRA LOKEŚVARA SĀDHAYA SADĀ SIDDHIM MEBHAVA: Chứng minh cho tôi thành tựu Nghi Thức của Đấng Thiên Tý Thiên Dũng Thế Tự Tại

धरादोभवा अग्रोभवा मि

DHARADOBHAVA AGROBHAVA MI: Trì giữ phát sinh cảnh hiện hữu nơi tôi

ॐ नमो स्तुते

OM NAMO STUTE: Quy mệnh kính lễ

भगवान् अर्या अलोकितेश्वर

BHAGAVAN ĀRYA AVALOKITEŚVARA: Thánh Quán Tự Tại Thế Tôn

प्रपुन्या प्रसिदामम वरदोमम

PRAPUNYA PRASĪDAMAM VARADOMAMA: Ban bố cho tôi sự hiểu biết thấu đáo cao thượng của Phước Đức thù thắng

भव मि

BHAVA MI: Hiện hữu nơi tôi

स्वाहा

SVĀHĀ : Quyết định thành tựu

Thủ Ấn của Tôn này là **Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn**: Còn gọi là Ngũ Phong Ấn, Ngũ Trí Ấn, Ngũ Đại Ấn, Ngoại Ngũ Cổ Ấn.

Hai tay cái chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyên (Ngoại Phộc Quyên) dựng 2 ngón giữa dính nhau như cây kim (hoặc hình cánh sen úp) 2 ngón cái, 2 ngón út đều kèm nhau dựng thẳng đứng, duỗi bung 2 ngón trỏ.



Do 40 tay được chia làm 5 Bộ biểu thị cho diệu dụng của 5 Trí Như Lai nên Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn biểu thị cho 5 Trí của Liên Hoa Bộ. Vì thế Ngũ Cổ Mật Ấn nhiếp 40 tay, tức là Tổng Ấn của 40 tay và được gọi là **Thiên Thủ Căn Bản Ấn**

(Hoặc dùng **Cửu Phong Mật Ấn** và tụng Chân Ngôn: OM_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ)

D_ Vì muốn làm tươi tốt muôn điều lành và khai mở cho Chúng Sinh tự thâu ngộ được bản tâm Thanh Tịnh Vô Cấu Nhiễm vốn có nơi mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa Thân Thiên Thủ Thiên Nhân Thanh Cảnh Quán Âm. Thân này có đầy đủ tướng tốt đẹp như thân Thánh Quán Âm với cái cổ màu xanh, hiện ngàn tay ngàn mắt.

Biến Thân của Tôn này là: Thân màu trắng có 3 mặt, mặt chính có dung mạo Từ Bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mào báu, trong mào có vị Hoá Phật Vô Lượng Thọ. Thân có 4 cánh tay. Bên phải: Tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm Hoa Sen. Bên trái: Tay thứ nhất cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm vỏ ốc (Loa). Dùng da cọp làm quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng con rắn đen làm Thần Tuyến. Ngồi trên hoa sen tám cánh, Anh Lạc, vòng xuyên tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thần Tuyến từ bắp tay trái rũ xuống.



Do Tôn này biểu thị cho Pháp tu **Liên Hoa Pháp** (Padma-dharma) của Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rājāya-tathāgata) nên Mật Giáo Trung Hoa thường truyền dạy Pháp tu theo Tôn này.

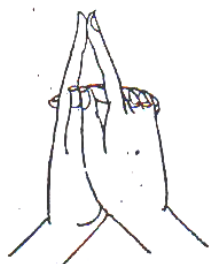
Tâm Chú của Tôn này là :

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ AROLIK SVĀHĀ

Thủ Ấn của Tôn này có 2 loại là:

.) **Ngoại Phộc Thanh Liên Ấn**: 2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài. Dựng 2 ngón trỏ chạm đầu nhau như cánh sen. Dựng 2 ngón cái song song như cây phượng.



Chân Ngôn là: OM_ PADME NĪLAKAṆṬHI JVALA BHRŪ BHRŪ HŪṀ

.) Hai tay kết Kim Cương Phộc, 2 ngón giữa như cây phượng.



Chân ngôn là: OM_ LOKE JVALA RĀJA HRĪḤ

Đại Chú của Tôn này có 2 bản:

Quảng Bản là: **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni** và

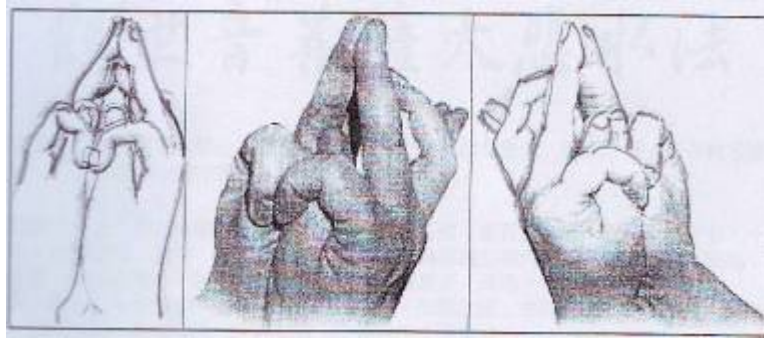
Lược Bản là: **Thiên Thủ Thiên Nhân**

.) Quảng Bản: **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni**

Thủ Ấn của Quảng Bản là **THANH CẢNH ẤN**: Hai tay cài chéo nhau bên ngoài. Rút ngón cái trái vào lòng chưởng, duỗi thẳng ngón cái phải, 2 ngón giữa làm hình cánh sen. Duỗi thẳng 2 ngón vô danh, 2 ngón út (Bên trái đè bên phải) cùng cài chặc nhau.

.) Lược Bản: **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**

Thủ Ấn của Lược Bản là **THANH CẢNH ĐẠI BI TÂM ẤN**: Chắp 2 tay lại giữa rộng. Co 2 ngón trỏ đều móc lóng thứ hai của ngón cái (Đây là Loa Pháp). Dựng hợp 2 ngón giữa (Đây là Hoa sen). Dựng 2 ngón vô danh nghiêm tròn trịa (Đây là Bánh xe). Dựng hợp 2 ngón út (Đây là cây gậy). Nơi Một Ấn có đủ 4 Ấn là: Pháp Loa, Liên Hoa, Luân, Trượng vậy.



Do Lục Bản hàm chứa đầy đủ Lý Thú tu hành của Pháp tu Quán Âm nên các vị Đạo Sư Mật Giáo (Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam) thường truyền dạy Bản này.

E Vi Đức Hóa Tha Nghiệp Dụng của chư Phật vì thương xót Chúng Sinh mà thi hành tất cả sự nghiệp nhằm giúp cho đoạn trừ mọi mê vọng đề tự chứng được bản tâm Tịch Tĩnh an nhiên của chính mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm** giống như thân Thánh Quán Âm với mọi tướng tốt đẹp, đầy đủ ngàn mắt ngàn tay.



Biên Thân của Tôn này là: Thân của Bồ Tát vẽ màu vàng Diêm Phù Đề, mặt có 3 mắt, tay có 1.000 bàn tay, ở mỗi lòng bàn tay đều có 1 con mắt, đầu đội mũ báu, mũ có vị Hóa Phật. Bàn tay lớn chính có 18 cánh tay. Trước tiên là hai tay để ngang trái tim chấp lại, 1 bàn tay cầm chày Kim Cương, 1 bàn tay cầm Tam Kích Xoa, 1 bàn tay kết Ấn Phạm Giáp, 1 bàn tay nắm cái Ấn Báu, 1 bàn tay cầm cây Thiết Trượng, 1 bàn tay nâng Viên ngọc báu, 1 bàn tay cầm Bánh xe báu, 1 bàn tay cầm hoa sen hé nở, 1 bàn tay cầm sợi dây, 1 bàn tay cầm cành Dương liễu, 1 bàn tay cầm Tràng hạt, 1 bàn tay cầm cái bình Táo Quán, 1 bàn tay ban nước Cam Lộ tuôn chảy, 1 bàn tay tuôn mọi loại mưa báu ban cho sự không sợ hãi. Lại dùng hai bàn tay để ngang rốn, bên phải đè bên trái, ngửa lòng bàn tay. 982 bàn tay còn lại ở trong bàn tay đều nắm Ấn của mọi loại khí tượng.

Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Yết Ma** (Padma-karma).

Chân Ngôn của Tôn này là: **Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm Đại Thân Chú**

Thủ Ấn của Tôn này là **Tổng Nhiếp Thiên Tý Ấn**: Đứng thẳng, hai chân song song nhau. Ngửa lòng bàn tay phải, năm ngón đều phụ nhau. Lại ngửa lòng bàn tay trái đè trên lòng bàn tay phải rồi để chạm đỉnh trái tim.



Ấn này hay giảng phục Ma Oán của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Chú là: **Tadyathā: Avalokiteśvarāya sarva duṣṭa uha miya svāhā**

*) Khi Bồ Tát Quán Tự Tại nhập vào Tam Muội **Vô Sở Úy** thời hiện ra 25 vị Bồ Tát, mỗi một vị Bồ Tát đều có thân màu vàng, đủ các tướng tốt đẹp như Quán Tự Tại, nơi đỉnh đầu có 11 mặt, trên thân có đủ 40 cánh tay, trong mỗi bàn tay có một con mắt **Từ** (Maitra-Netra: Từ Nhân), 40 tay mắt của một vị Hóa Bồ Tát lại hiện thành 40 vị Bồ Tát phá một Hữu. Như vậy 40 tay của 25 vị Hóa Bồ Tát này hợp thành ngàn tay ngàn mắt hiện thành một ngàn vị Bồ Tát phá các ưu ám của 25 Hữu. Riêng vị Hóa Bồ Tát hiện thân ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu có tên gọi là **Thí Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát**, dùng 40 tay hóa thành 40 vị Bồ Tát tạo phương tiện hóa độ cho các Chúng Sinh.

Chân Ngôn chung của 25 vị Hóa Bồ Tát này là:

ॐ वज्रधर्म विभुर्ध्वजधरः ॥ ह्रीं ह्रीं ॥

OM VAJRA-DHARMA VISUDDHA PADMA-SATVA HITA SPHARANA

40 Pháp này có thể dùng chung cho cả 5 Tôn Thiên Thủ.

1_ **Như Ý Châu Thủ** (Tay cầm viên ngọc Như Ý):



Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

Câu thứ 25 trong văn của bài Chú ghi là: “**Ma la ma la**” dịch nghĩa là *trong ngoài không dơ bẩn*, tức là **Như Ý Châu Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi

Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 31 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn cầu giàu có, mọi loại trân bảo vật dụng thì nên cầu nơi tay Như Ý Bảo Châu*”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ nhất:

“*Nếu người nào vì sự giàu có, mọi thứ trân bảo, vật dụng cần thiết thì nên cầu nơi bàn tay cầm viên ngọc Như Ý*”

Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ nhất là:

Nếu muốn được tài bảo giàu có, nên tu Pháp MA NI..... Nay DŨ NGUYỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT, tay trái đặt ngang trái tim cầm Ma Ni, hình trạng trái châu màu lưu ly, ánh sáng vàng và phát ra ánh lửa. Tay phải kết Dữ Nguyện khế, co cánh tay hướng lên trên. Vẽ tượng như vậy xong, đặt ở nơi thanh tịnh, lễ bái, cúng dường, tác pháp niệm tụng.



Tướng Ấn đó là: hai tay buộc chặt, Tiến Lực (2 ngón trỏ) làm hình Ma Ni, Thiên Trí (2 ngón cái) kèm duỗi đứng, liền thành tự.

Chân ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHẤN ĐA MA NI (Như Ý Châu) NHẬP PHỘC LA (Quang minh) PHỘC LA NI (Dữ nguyện) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सन्तानं ज्वाल वरिणं स्वहा

Om_ Vajra-dharma cintāmaṇi jvala varaṇi svāhā

2- Quyển Sách Thủ (Tay cầm sợi dây):



_ Tay thứ hai trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tứ Tai (Śāntika)

_ Bốn câu thứ 60,61,62,63 trong văn của bài Chú là: “**Na la cần trì, sa bà ha, ma la na la, sa bà ha**” dịch nghĩa là *thành tựu Hiền Ai* , tức là “**Quyển Sách thủ nhãn**” trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 32 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn mọi thứ bất an trở thành điều an ổn thì nên cầu nơi tay Quyển Sách (Sợi dây to) ”*

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ hai:

“*Nếu người nào vì mọi thứ chẳng yên, cầu an ổn thì nên cầu nơi bàn tay cầm sợi dây (Quyển Sách) ”*

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ hai là:

Nếu người muốn được an ổn nên tu pháp Quyển Sách (Sợi dây).Tượng TRÍ SÁCH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT đó... chỉ có tay phải nắm quyền đặt ở eo phải.Tay trái co cánh tay lại cầm sợi dây, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là kết **Vị Phu Liên Hoa ấn** (ấn hoa sen chưa nở) Tiến Lược (2 ngón trỏ) giữ nhau như cái vòng. Đây gọi là Liên Hoa Sách (sợi dây hoa sen) hay mãn các ý nguyện.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BÁT NÁ MA BÁ XẢ (Liên Hoa Sách) HỒNG (Hộ khấp) ĐỊA SẮT TRA (Phòng hộ, gia trì) TÁT VĨNG (Không có thể trái ngược) MA HÀM (Nơi tôi) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म पद्मपासा हृम अधिष्ठा स्वामं स्वहा

Om_ Vajra-dharma padma-pāsa hūṃ adhiṣṭa svamāṃ svāhā

3_ **Bảo Bát Thủ** (Tay cầm cái bình bát báu):



Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

Câu thứ 42 trong văn của bài Chú là: “**Hô lô hô lô hê lợi**” dịch nghĩa là *Tác Pháp tự tại* tức là **Bảo Bát Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 33 trong Kinh Văn:

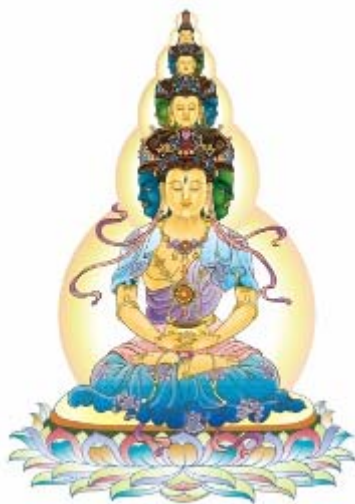
“*Nếu muốn trị các bệnh khổ trong bụng thì nên cầu nơi tay Bảo Bát (Cái bát báu)*”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ ba:

“*Nếu người nào vì các bệnh trong bụng thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái bát báu*”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ ba là:

Nếu người muốn trị bệnh trong bụng, có thể tu pháp Bát Báu. Nên vẽ tượng **BẢO BÁT QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT**xong hai tay để ngang rón cầm bình bát báu , liền thành.



Tượng Ấn đó là Lý Trí (2 tay trái phải) kết Nhập Định Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) A Ô NÁ LA THÂU LAM
(Không có bệnh trong bụng) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म अउरारु स्वहा

Oṃ_ Vajra-dharma A udara-sulam svāhā

4_ **Bảo Kiếm Thủ** (Tay cầm cây kiếm báu):



Tay thứ ba trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

Câu thứ 50 trong văn của bài Chú là:”**Địa lợi sắt ni na**” dịch nghĩa là *kiên lợi* tức **Bảo Kiếm Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 15 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn giáng phục tất cả Vọng Lượng Quý Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Kiếm (cây kiếm báu)*”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh : Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ tư:

“*Nếu người nào vì giáng phục tất cả Vọng Lượng, Quý Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây kiếm báu*”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ tư là:

Nếu muốn giáng phục Vọng Lượng Quý Thần, nên tu pháp Kiếm báu. Tượng BẢO KIẾM QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT đó chỉ có tay phải cầm cây kiếm hợp chắc. Tay trái đặt trên eo, đem ngón cái đè lên móng của Địa Thủy (ngón út, ngón vô danh) Hỏa Phong (ngón giữa, ngón trỏ) kèm cúng, Ấn đó hướng về thân an, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là Tay phải ngón cái đè lên móng 2 ngón Địa Thủy (ngón út, ngón vô danh), kèm chắc Hỏa Phong (ngón giữa, ngón trỏ) liền thành.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) KIỆT NGA (cây kiếm)
TÁT PHỘC LAM LA HA (Tất cả quý) TÁT BÀ TRA (Phá hoại) SA PHỘC HA.

ॐ वज्रधर्म इत्येवमसंज्ञकं सूक्ष्मं

Om_ Vajra-dharma khaḍga sarva grahā sphaṭ svāhā

5_ **Bạt Chiết La Thủ** (Tay cầm chày Kim Cương Tam Cổ):



Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

Câu thứ 68, 69 trong văn của bài Chú là: “**Giả cát la , a tát đà dạ, sa bà ha**” dịch nghĩa là *thành tựu sự không thể so sánh* tức **Bạt Chiết La Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 36 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn giáng phục tất cả Thiên Ma , Ngoại Đạo thì nên cầu nơi tay Bạt Chiết La*”.

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh : Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ năm:

“*Nếu người nào vì giáng phục tất cả Thiên Ma, Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm Bạt Chiết La (Vajra: chày Tam Cổ)*”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ năm là:

Nếu muốn giáng phục Đại Ma Thần, nên tu pháp **Phộc Nhật La** (tay Tam Cổ Xử) Tượng **KIM CƯƠNG QUÁN TỰ TẠI** đó.... xong tay phải cầm chày Tam Cổ đặt ở eo phải. Tay trái nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Tay phải ngón cái dè lên đồng với móng ngón út, các ngón còn lại như hình **Phộc Nhật La**, chuyển bên trái 3 vòng.

Chân Ngôn là:

ÁN_ NGỘT LÝ (Chủng tử) **PHỘC NHẬT LA BÀ NI** (Chấp Kim Cương) **MA LA BÁT LA MA LẬT DẠ** (Hộ Ma) **SA PHỘC HẠ**.

ॐ ह्रीं वज्रपानि मारप्रमथान स्वहा

Om_ Hriḥ vajra-pāṇi mārā pramathana svāhā

7_ Thí Vô Úy Thủ :



_ Tay thứ ba trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tứ Tai (Śāntika)

_ Câu thứ 72,73 trong văn của bài Chú là: “**Na la cảo trì bá già la gia, sa bà ha**” dịch nghĩa là *thành tựu quang minh tự tại* tức **Thí Vô Úy Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ hai trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn trừ sự sợ hãi chẳng yên ở tất cả thời , tất cả nơi thì nên cầu nơi tay Thí Vô Úy*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ bảy:

“*Nếu người nào vì tất cả chốn sợ hãi, chẳng an thì nên cầu nơi bàn tay Thí Vô Úy*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ bảy là:

Nếu muốn lìa sự sợ hãi nên tu pháp Thí Vô Úy. Tượng **TRỪ BỐ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT** chỉ duỗi 5 ngón tay phải hiện chuông, tay trái duỗi 5 ngón nâng đặt ở trên vú trái hiện chuông, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó như tướng tay ấn của tượng vẽ.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) **TÁT** PHỘC THA (khấp kê khác) **NHĨ** NA NHĨ NA (thắng, năng thắng) **BỘI** DÃ NẶNG XA NA (trừ khủng bố) **SA** PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सर्वथा जिन जिन भया नाशना स्वहा

Oṃ_ Vajra-dharma sarvathā, jina jina, bhaya nāśana svāhā

8_ **Nhật Tinh Ma Ni Thủ** (Tay cầm vành mặt trời):



_Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_ Câu thứ 32 trong văn của bài Chú là: “**Thất phật la gia**” dịch nghĩa là *phóng ánh sáng* tức **Nhật Tinh Ma Ni Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ ba trong Kinh Văn:

“*Nếu người bị mắt mờ không có ánh sáng thì nên cầu nơi tay Nhật Tinh Ma Ni*”.

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ tám:

“*Nếu người nào vì mắt bị mờ tối không có ánh sáng thì nên cầu nơi bàn tay cầm Nhật Tinh Ma Ni*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ tám là:

Nếu người bị mắt mờ cầu ánh sáng, có thể tu pháp Nhật Tinh Ma Ni. Tượng NHẬT TINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... chỉ có tay trái trên bàn tay cầm Hoả Pha Lê (Nhật tinh) tay phải ngửa lòng bàn tay đặt ở trái tim, vẽ tượng xong.



Tượng ấn đó là: Nâng tay Định (tay trái) làm thế nhận mặt trời, quán trong mắt của ta có chữ [𑖘 (MA)-trong mắt phải, 𑖘 (T) trong mắt trái]. Nếu muốn được Thiên Nhân, quán ngay giữ hai lông mày có một con mắt.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬ LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) A NHĨ ĐẠ GIA (Mặt trời)
NHẬP PHỘC LA (Quang minh) NHĨ KHẮT SÔ (con mắt) SA PHỘC HẠ

ॐ वज्रधर्म अदित्याज्वालाकक्षु स्वहा

Oṃ_ Vajra-dharma āditya-jvala-cakṣu svāhā

9_ **Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ** (Tay cầm vành mặt trăng):



_ Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

_ Câu thứ 28 trong văn của bài Chú là: “**Độ lô độ lô**” dịch nghĩa là *sự trong sạch của ánh sáng* tức **Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ tư trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn trị bệnh Nhiệt Độc mà cầu sự mát mẻ thì nên cầu nơi tay Nguyệt Tinh Ma Ni*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ chín:

“*Nếu người nào vì bệnh nhiệt độc, cầu được mát mẻ thì nên cầu nơi bàn tay cầm Nguyệt Tinh Ma Ni*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ chín là:

Nếu muốn tiêu trừ tất cả nhiệt não nên tu pháp Nguyệt Tinh Ma Ni. Tượng NGUYỆT TINH QUÁN TỰ TẠI...chỉ có tay phải mở lòng bàn tay cầm Thủy Pha Lê, tay trái duỗi 5 ngón làm thế xoa thân, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó như tay ấn của tượng.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHIẾN NẠI GIA (Mặt trăng) TẤT PHỘC NÁ HẠ BÁT LA XÁ NHĨ (trừ tất cả nhiệt não) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म वज्र सर्व दहन प्रसमना स्वहा

Oṃ_ Vajra-dharma candra sarva-daha praśamana svāhā

10_ **Bảo Cung Thủ** (Tay cầm cây cung báu):



Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

Câu thứ 39 trong văn của bài Chú là: **“Phạt sa phạt sâm”** dịch nghĩa là *lời nói vui mừng* (Hoan Ngữ) tức **Bảo Cung Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ năm trong Kinh Văn:

“Nếu vì thắng Quan tiến chức, cầu mong Quan Vị thì nên cầu nơi tay Bảo Cung (Cây Cung báu)” .

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ mười:

“Nếu người nào muốn thắng Quan tiến Chức thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Cung báu”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ mười là:

Nếu muốn thắng quan tiến chức nên tu pháp Cây cung báu. Tượng TRÌ CUNG QUÁN TỰ TẠI xong tay Định Tuệ (tay trái, tay phải) cầm cây cung nằm ngang làm thế tính số do tuần, vẽ tượng xong



Tượng Ấn đó là Kim Cương Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) KIẾN TRA ĐÀ NỔ SA (cây cung) A BÁT LA ĐỀ HA ĐA GIA (không có chướng ngại) TAM MA ĐỊA SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म केतु दण्डसि अप्रतिहातया समधि स्वहा

Om_ Vajra-dharma keti-dhaṇḍasi apratihātāya-samādhi svāhā

11_ **Bảo Tiễn Thủ** (Tay cầm mũi tên báu):



_ Tay thứ năm trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akaraṣaṇi)

_ Câu thứ 51,52 trong văn của bài Chú là: “**Bà dạ ma na, sa bà ha**” dịch nghĩa là *thành tựu tiếng tăm* (danh văn) tức **Bảo Tiễn Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ sáu trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn sớm gặp các bạn lành thì nên cầu nơi tay Bảo Tiễn (Mũi tên báu)*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 11:

“*Nếu người nào vì các bằng hữu tốt, sớm được gặp nhau thì nên cầu nơi bàn tay cầm mũi tên báu*”.

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 11 là:

Nếu muốn có bạn lành nên tu pháp mũi tên báu. Tượng **TỐC TRỰC QUÁN TỰ TẠI**... chỉ có tay phải cầm mũi tên, đặt đầu mũi tên lên trên tay trái, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là: Tay phải nắm quyền bung đứng ngón trỏ, ngón giữa, dùng ấn làm thế kêu gọi.

Chân Ngôn là:

ÁN _ **PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA** (Kim Cương Pháp) **LA ĐÁT NA KIẾM NOA** (mũi tên báu) **MAN THỦ** (diệu âm) **TÁT ĐÁT BÀ** (chúng sinh) **DUỆ Ế DUỆ TỨ** (mau lại) **LA NGÃ LA NGÃ** (ái nhiễm, ái nhiễm) **SA PHỘC HẠ**.

ॐ वज्रधर्म रत्नकाण्डा मंजुसत्वा वृक्षे रत्न रत्न सदा

Om_ Vajra-dharma ratna-kaṇḍa maṃju-satva, ehyehi rāga rāga svāhā

12_ Dương Chi Thủ (Tay cầm cành Dương Liễu):



_ Tay thứ tám trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tứ Tai (Śāntika)

_ Câu thứ 35 trong văn của bài Chú là: “**Mục đế lệ**” dịch nghĩa là *Giải thoát* tức **Dương Chi Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ tám trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn trừ mọi thứ bệnh nạn trên thân thì cầu nơi tay Dương Liễu Chi*”.

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 12:

“*Nếu người nào vì mọi loại bệnh trên thân thì nên cầu nơi bàn tay cầm cành Dương Liễu*”.

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 12 là:

Nếu muốn tiêu trừ mọi bệnh trên thân nên tu pháp thuốc của ngành dương liễu. Tượng **DƯỢC VƯƠNG QUÁN TỰ TẠI**... chỉ có tay phải cầm nhánh dương liễu, tay trái đặt trên vú hiển chương, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là tay phải co cánh tay, buông các ngón rũ xuống. Tụng chân ngôn xong, xoa trên thân thể.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BỆ SÁT NHĨ GIA (thuốc) LA NHẠ GIA (vua) SÁ PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्मैश्वर्याय नमः

Om_ Vajra-dharma bhaisaijya-rājāya svāhā

13_ **Bạch Phát Thủ** (Tay cầm cây phát trắng):



Tay thứ tư trong tám tay thuộc Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Túc Tai (Śāntika)

Câu thứ 34 trong văn của bài Chú là: “**Ma ma**” dịch nghĩa là *đạt nơi chí thiện* tức **Bạch Phát Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ chín trong Kinh Văn:

“Nếu muốn diệt trừ tất cả chương nạn ác thì nên cầu nơi tay Bạch Phát”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 13:

“Nếu người nào vì trừ chương nạn ác trên thân thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây phát trắng”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 13 là:

Nếu muốn giải thoát tất cả chương nạn nên tu pháp cây phát trần trắng, tượng PHẬT NẠN QUÁN TỰ TẠI.... xong tay phải co cánh tay hướng lòng bàn tay ra ngoài, tay trái cầm cây phát trần trắng, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là: Tay trái co cánh tay, rũ các ngón tay xuống dưới, tụng Chú chuyển bên trái.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) THỨ CA LA PHỘC LA NHĨ DÃ CHẾ NẴNG (phát trần trắng) TÁT PHỘC MA LA BÀ GIA (tất cả chương nạn) VĨ MỤC KHẮT ĐỀ (giải thoát) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सुक्रवलव्यजान सर्वमाराभया विमुक्ति स्वहा

Oṃ_ Vajra-dharma śukra-valavyajana sarva māra-bhaya vimukti svāhā

14_ **Hồ Bình Thủ** (Tay cầm cái Hồ Bình):



Tay thứ năm trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

Câu thứ 49 trong văn của bài Chú là: “**Na la cần trì**” dịch nghĩa là *Đại Bi* tức **Bảo Bình Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ mười trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn tất cả Quyển Thuộc khéo hòa hợp thì nên cầu nơi tay Bảo Bình*” .

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 14:

“*Nếu người nào vì tất cả quyển thuộc khéo hòa thuận thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Hồ Bình*”.

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 14 là:

Nếu muốn cầu quyển thuộc hòa thuận an lành nên tu pháp Hồ Bình, tượng **TRÌ BÌNH QUÁN TỰ TẠI**chỉ có tay phải cầm Hồ bình, đầu cái bình như đầu chim Kim Xí điều, tay trái để trên rốn hướng lên trên thành thế nhận cái Hồ bình, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là ấn hoa sen chưa nở, mở đứng 2 Không (2 ngón cái) cùng hợp ngón trỏ.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) **MA HẠ MUỘI ĐÁT LÝ** (Đại Từ) **VÔNG BÀ PHỘC** (phát sinh) **SA PHỘC HẠ.**

ॐ वज्रधर्म महामैत्रि उद्भव स्वहा

Oṃ_ Vajra-dharma mahā-maitri udbhava svāhā

15_ **Bàng Bài Thủ** (Tay cầm cái Bàng Bài):



_ Tay thứ năm trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_ Câu thứ 28 trong văn của bài Chú là: **“Phạt xà gia đế”** dịch nghĩa là *Độ sống chết* tức **Bàng Bài Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 11 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn tịch trừ tất cả cạp, sói, các loài thú ác thì nên cầu nơi tay Bàng Bài”.

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 15:

“Nếu người nào vì tịch trừ tất cả cạp, chó sói, báo, các thú ác thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Bàng Bài”.

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 15 là:

Nếu muốn tịch trừ tất cả thú ác nên tu pháp Bàng Bài, tượng HIỆN NỘ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁTchỉ có tay trái hướng ra ngoài cầm hình Bàng Bài. Tay phải kết Quyền ấn, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là tay trái hướng ra ngoài duỗi các ngón tay xoay chuyển, tay phải nắm quyền làm thế đánh kẻ khác.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC MỘT LÝ THỦY CHỈ CA TÁT PHẢ NẴNG CÂU LA (Ngưon xà, chuột, lang...) TƯ DỤNG HẠ (sư tử) VĨ DÃ GIÀ LA (đại trùng) LÝ KHẮT XA (con gấu) ĐÁ LA LÝ KHẮT XA (con Bi) GIÁ MẠT LA NHĨ VĨ NGOA (cá Ma Kiệt) HỒNG (niệm khùng bỏ) PHÁT TRA (phá hoại) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सर्ववृक्षेण सर्व नकुले श्वेते शुभ्र रिक्खे गुरिक्खे वमुरि
रुक्खे कुक्खे म्मे

Om Vajra-dharma sarva vṛścika, sarpa, nakula, śiṃha, vyāghra, ṛikṣa, taraṛikṣa, camara, jivika hūṃ phaṭ svāhā

16_ **Phủ Việt Thủ** (Tay cầm cây búa):



Tay thứ sáu trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Túc Tai (Śāntika)

Câu thứ 64,65 trong văn của bài Chú là: **“Tất la tãng, a mục khư gia, sa bà ha”** dịch nghĩa là *thành tựu Phước Đức* tức **Việt Phủ Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 12 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn ở tất cả thời, tất cả nơi xa lìa Quan nạn thì nên cầu nơi tay Việt Phủ (Cây Búa lớn)”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 16:

“Nếu người nào vì tất cả Thời Xứ khéo lìa nạn quan quyền thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây búa”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 16 là:

Nếu muốn lìa nạn của quan quyền nên tu pháp Phủ việt (cây búa lớn), tượng **TRẦN NẠN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT**xong tay phải cầm phủ việt, tay trái nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tượng ấn đó là: Co tay phải như thế cầm búa, dùng ấn chuyển hồi.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) PHẢ LA THỨ (phủ việt)
LA NHẠ BÀ GIA (nạn vua chúa) VĨ MỤC KHẮT ĐỀ (giải thoát) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म पराशु राजभय विमुक्ति स्वहा

Om_ Vajra-dharma paraśu rāja-bhaya vimukti svāhā

17_ Ngọc Hoàn Thủ (Tay cầm cái vòng ngọc)



Tay thứ tư trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

Câu thứ 41 trong văn của bài Chú là: **“Hô lô hô lô, ma la”** dịch nghĩa là *làm Pháp như ý* tức **Ngọc Hoàn Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 34 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn có nam nữ và tôi tớ thì nên cầu nơi tay Ngọc Hoàn (Cái Vòng ngọc)”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 17:

“Nếu người nào vì tôi tớ nam nữ thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái vòng ngọc”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 17 là:

Nếu cầu nam nữ tôi tớ nên tu hành pháp cái vòng ngọc. Tượng TRÌ HOÀN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... xong tay trái để ở trái tim cầm vòng ngọc, tay phải che trên vòng ngọc như cái lọng, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là: Dùng tay trái nắm cổ tay phải cũng dùng tay phải nắm cổ tay trái, bên trái biểu thị cho nữ, bên phải biểu thị cho nam.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) VĨ SÁI DÃ (cảnh giới)
LIỆP ĐÀ (đạt được) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म विषयप्रप्ता स्वहा

Om_ Vajra-dharma viṣaya prāpta svāhā

18_ **Bạch Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen trắng):



Tay thứ tư trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśīkaraṇa)

Câu thứ 27 trong văn của bài Chú là: “**Yết mông**” dịch nghĩa là *biện sự* tức **Bạch Liên Hoa Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 19 trong Kinh Văn:

“*Nếu vì mọi loại Công Đức thì nên cầu nơi tay Bạch Liên Hoa (Hoa Sen trắng)*”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 18:

“*Nếu người nào vì mọi loại Công Đức thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen trắng*”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 18 là:

Nếu muốn thành tựu công đức nên tu pháp Hoa sen trắng, tượng PHÂN TRÀ LỢI QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.... chỉ có tay trái cầm hoa sen trắng, tay phải kết ấn Thuyết Pháp, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là: Khai Phu Liên ấn (ấn hoa sen hé nở) .

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) SÂM BÀ PHỆ BÁT NÁ MA (hoa sen trắng) NI PHÚ NHĨ (Dùng vòng hoa để trang nghiêm Pháp Thân) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म संभवपद्म निष्णम स्वहा

Oṃ_ Vajra-dharma sambhave-padma nipuṇa svāhā

19_ **Thanh Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen xanh):



Tay thứ năm trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

Câu thứ 26 trong văn của bài Chú là: “**Lợi đà dụng**” dịch nghĩa là *Tâm hoa sen* (Liên Hoa Tâm) tức **Thanh Liên Hoa Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 20 trong Kinh Văn:

“*Nếu vì muốn được sinh về 10 phương Tĩnh Thổ thì nên cầu nơi tay Thanh Liên Hoa (Hoa Sen xanh)*”.

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 19:

“*Nếu người nào vì muốn được sinh về Tịnh Độ ở mười phương thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen xanh*”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 19 là:

Nếu muốn vãng sinh về Tịnh Thổ ở 10 phương nên tu pháp Hoa Sen Xanh, tượng KIẾN PHẬT QUÁN TỰ TẠI.....xong tay phải cầm hoa sen xanh, tay trái đặt trên vú trái hiển chuông, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là: Tác Liên Hoa Hợp Chuông, bung như thế hoa nở.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TỤY LA BÁT NẠP MA (hoa sen xanh) ÔN NGHIỆT ĐÁ (sinh) BỘT ĐÀ VĨ SÁI UẤN (Phật quốc) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म नीलपद्म उदगा बुद्धा-विषया स्वहा

Om_ Vajra-dharma nila-padma udgata buddhā-viṣaya svāhā

20_ **Bảo Kính Thủ** (Tay cầm cái gương báu):



_ Tay thứ hai trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_ Câu thứ 37 trong văn của bài Chú là: “**Thất na tất na**” dịch nghĩa là *Đại Trí* tức **Bảo Kính Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 23 trong Kinh Văn:

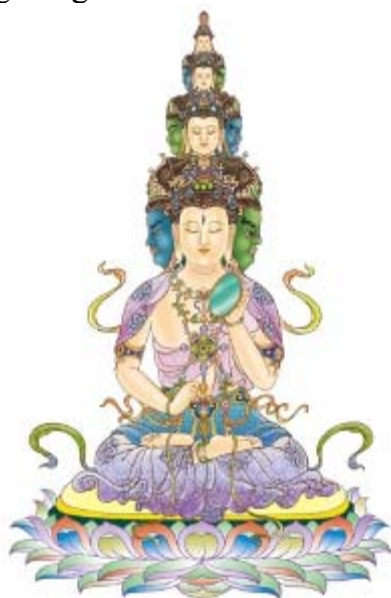
“*Nếu muốn thành tựu Trí Tuệ rộng lớn thì nên cầu nơi tay Bảo Kính (cái gương báu)*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 20:

“*Nếu người nào vì Trí Tuệ lớn thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái gương báu*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tụ Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 20 là:

Nếu người cầu Trí Tuệ nên tu pháp cái gương báu, tượng **KÍNH TRÍ QUÁN TỤ TẠI BỒ TÁT**... chỉ có tay trái để ngay trái tim cầm cái gương báu hướng ra ngoài, tay phải kết Trí Quyền Ấn, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Tay phải nắm quyền đặt ở eo, tay trái mở duỗi ra nâng lên trước mặt, thấy Ấn này tương thấy Đại Viên Kính Trí.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC TÁT ĐỊA (thành tựu tất cả) **MA HA CHỈ NHƯƠNG NẰNG (Đại Trí Tuệ) SA PHỘC HẠ.**

ॐ वज्रधर्म सर्वसिद्धि महानिदानं स्वहा

Om_ Vajra-dharma sarva siddhi mahā-jñāna svāhā

21_ **Tử Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen tím):



Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

Câu thứ 40 trong văn của bài Chú là: **“Phật la xá gia”** dịch nghĩa là *bình hòa* tức **Tử Liên Hoa Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 21 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn diệt kiến tất cả mười phương chư Phật thì nên cầu nơi tay Tử Liên Hoa (Hoa Sen tím)”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 21:

“Nếu người nào vì muốn diệt kiến tất cả chư Phật ở mười phương thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen tím”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 21 là:

Nếu người muốn thấy các Như Lai nên tu pháp hoa sen tím, tượng KIẾN LIÊN QUÁN TỰ TẠI...xong tay phải cầm hoa sen tím, tay trái ngửa lên đặt ở trái tim, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Kết Liên Hoa Hợp Chưởng như thể hoa nở, rồi buông Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) NHỮ LÃO LA SA BÁT NẠP MẠ (hoa sen tím) TÁT PHỘC BỘT ĐÀ (tất cả Phật) CHỈ HOẠI NẰNG (Trí) SA KHẮT SÔ TỶ GIA (nhìn thấy) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म जम्बुरापद्म सर्व बुद्धज्ञानाकषोभ्या

Om_ Vajra-dharma jambura-padma sarva buddha-jñāna-caḥṣobhya svāhā

22_ **Bảo Khiếp Thủ** (Tay cầm cái rương báu):



_Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarsaṇi)

_Câu thứ 57,58,59 trong văn của bài Chú là: **“Tất đà dụ nghệ, thất bá la dạ, sa bà ha”** dịch nghĩa là *thành tựu lợi ích* tức **Bảo Khiếp Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 27 trong Kinh Văn:

“Nếu mong cầu mọi loại kho tàng trong lòng đất thì nên cầu nơi tay Bảo Khiếp (cái rương báu)”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 22:

“Nếu người nào vì kho tàng chôn vùi trong lòng đất thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái rương báu”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 22 là:

Nếu muốn thấy kho tàng ở trong lòng đất nên tu pháp cái rương báu, tượng KIẾN AN QUÁN TỰ TẠI...chỉ có tay trái cầm rương báu, tay phải làm thế mở nắp rương, vẽ hình xong.



Tướng Ấn là: Ngửa tay trái, đem tay phải che bên trên tay trái, tụng Chân Ngôn xong, sau đó mở nắp rồi buông Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHƯỚC CỤ SỐ (mắt chính) GIÀ TRA GIA (khai mở) A BÁT LA ĐỀ HA ĐÁ GIA (không có các chương ngại) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म वज्र सत्य मधुप्रद गम्य स्वहा

Oṃ_Vajra-dharma cakṣu-jaṭaya apratihātāya svāhā

23_ **Ngũ Sắc Vân Thủ** (Tay cầm mây ngũ sắc):



_ Tay thứ tám trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akaraṣaṇi)

_ Câu thứ 26 trong văn của bài Chú là: “**Ma hề ma hề**” dịch nghĩa là *Đại Tự Tại* tức **Ngũ Sắc Vân Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 26 trong Kinh Văn:

“*Nếu vì cầu thành tựu Phật Đạo thì nên cầu nơi tay Ngũ Sắc Vân (đám mây năm màu)*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 23:

“*Nếu người nào vì Tiên Đạo thì nên cầu nơi bàn tay cầm mây ngũ sắc*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 23 là:

Nếu người vì thành tựu pháp Tiên nên tu pháp đám mây ngũ sắc, tượng **TIÊN VÂN QUÁN TỰ TẠI**...xong tay phải cầm đám mây ngũ sắc, tay trái nâng lên trên cầm đầu cái áo khoác ngoài (Thiên Y) để mặc, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Hai tay phải trái kết Vũ Khé (ấn múa) làm tướng bay.

Chân Ngôn là:

ÁN _ **PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA** (Kim Cương Pháp) **BÁN GIẢ LỘ BA MÍNH GIÀ** (mây ngũ sắc) **TÁT ĐÀ VĨ ĐỊA DĨ ĐÀ LA NAM** (thành tựu Minh Tiên) **SA PHỘC HẠ**.

ॐ वज्रधर्म पञ्चरूपमेघसिद्धविद्या धारणाम् स्वहा

Oṃ_Vajra-dharma pañca-rūpa-megha siddha vidya-dhāranām svāhā

24_ **Quân Trì Thủ** (Tay cầm bình Quân Trì):



Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

Câu thứ 30 trong văn của bài Chú là: “**Đà la đà la**” dịch nghĩa là *Năng Tổng An Trì* tức **Quân Trì Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ bảy trong Kinh Văn:

“*Nếu mong cầu sinh lên các Trời Phạm Thiên thì nên cầu nơi tay Quân Trì Bình*”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 24:

“*Nếu người nào vì sinh về cõi Phạm Thiên thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái bình Quân Trì*”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 24 là:

Nếu người muốn sinh lên cõi Phạm Thiên nên tu pháp cái bình Quân Trì, tượng THIÊN ĐỊNH QUÁN TỰ TẠI...chỉ có tay phải cầm cái bình Quân Trì, tay trái làm tướng suy tư, dựng đứng đầu gối phải, đặt cánh tay phải trên đầu gối, đem chưởng trái để ở giữa gò má và lông mày, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng, hợp cổ tay.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) SA PHỘC BÀ PHỘC (tự tính) MỘT LA HA MA NI ĐỀ BÀ (Phạm Thiên) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म स्वधर्मा ब्रह्मणि-देवा स्वहा

Oṃ_Vajra-dharma svabhāva brahmaṇi-deva svāhā

25_ **Hồng Liên Hoa Thủ** (Tay cầm hoa sen hồng):



Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

Câu thứ 70,71 trong văn của bài Chú là: **“Ba ðà ma yết tất ðá ðạ, sa bà ha”** dịch nghĩa là *thành tựu Thiện Thắng* tức **Hồng Liên Hoa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 22 trong Kinh Văn:

“Nếu mong cầu sinh về các Cung Trời thì nên cầu nơi tay Hồng Liên Hoa (Hoa Sen hồng)”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 25:

“Nếu người nào vì sinh về cung Trời thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen hồng”

Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 25 là:

Nếu người muốn sinh ở cung điện của chư Thiên nên tu pháp Hoa Sen hồng, tượng THIÊN HOA QUÁN TỰ TẠI...chỉ có tay trái cầm hoa sen hồng, co cánh tay phải chỉ lên trời, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Tác Khai Phu Liên Hoa ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CỬ SÁCH TÁT BÀ BÁT NẠP MẠ (Hoa sen hồng) TÁT PHỘC ĐỀ BÀ ÔN NGHIỆT ĐA (sinh tất cả Trời) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म कुसुम्भपद्म सर्वदेव उद्गता स्वहा

Oṃ_Vajra-dharma kusubha-padma sarva deva udgata svāhā

26_ **Bảo Kích Thủ** (Tay cầm cây Kích báu):



Tay thứ bảy trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Túc Tai (Śāntika)

Câu thứ 29 trong văn của bài Chú là: **“Ma ha phật xà gia đế”** dịch nghĩa là *Thắng Đại Pháp Đạo* (Đường lối của Đại Pháp thù thắng) tức **Bảo Kích Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 29 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn tịch trừ kẻ nghịch tặc oán địch ở phương khác thì nên cầu nơi tay Bảo Kích (cây kích báu)”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 26:

“Nếu người nào vì tịch trừ giặc nghịch từ phương khác đến thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Kích báu”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 26 là:

Nếu vì người thù nhiếp cột trời giặc cướp đối nghịch nên tu pháp Kích Sao (cây kích báu). Tượng PHÁ TẶC QUÁN TỰ TẠI Bồ Tát... xong tay trái đưa lên trên cầm thân của cây kích dài. Tay phải mở bung đè lên eo phải, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là: Tay trái kết Tam Cổ Ấn đưa dài lên trên, quyền phải đặt ở eo.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) A VĨ XẢ (thu nhiếp cột trời) CHỦ LA BÀ GIA (nạn giặc cướp) HỒNG PHÁT TRA SA PHỘC HẠ

ॐ वज्रधर्म मणिमणि शिखर्य ह्रूं हूं हूं

Om Vajra-dharma aviśa cora-bhaya hūṃ phaṭ svāhā

27_ **Bảo Loa Thủ** (Tay cầm vỏ ốc báu):



_Tay thứ tư trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarsaṇi)

_Câu thứ 27 trong văn của bài Chú là: “**Câu lô câu lô**” dịch nghĩa là *tác Pháp* tức **Bảo Loa Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 30 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn hô triệu (kêu gọi) tất cả chư Thiên, Thiện Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Loa (cái loa báu)*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 27:

“*Nếu người nào vì hô triệu tất cả chư Thiên, Thiện Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Loa báu (vỏ ốc báu)*”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 28 là:

-Nếu vì hô triệu tất cả Thiện Thần cầu xin thủ hộ thì nên tu pháp Bảo Loa, tượng **TRÌ LOA QUÁN TỰ TẠI**...Xong tay trái cầm cái Loa báu, tay phải nắm quyền đuôi ngón Phong (ngón trở) làm thế kêu gọi, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Chắp hai tay lại giữa rỗng, co 2 ngón phong (2 ngón trở) đều buộc ở lưng 2 ngón cái. Hai Không (2 ngón cái) đều ló ra giữa khe của 2 ngón trở và giữa, dùng miệng làm thế thổi.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) MA HA ĐẠT MA NGỘT LÝ (Đại pháp âm) ÁM (Trần khắp cả) TÁT PHỘC ĐỀ BÀ NẶNG NGA (Tất cả Trời Rồng) DƯỠC KHẮT XOA (Dược Xoa) DUỆ Ế DUỆ TỬ (mau đến) LA KHẮT XOA LA KHẮT XOA HÀM (ứng hộ) SA PHỘC HA.

ॐ वज्रधर्म महधर्म श्री शंखधर नमो यक्षवक्रोक्त [क] [क] [क] [क]

Oṃ_Vajra-dharma mahā-dharma Hrīḥ, Aṃ sarva deva nāga yakṣa ehyehi rakṣa rakṣa māṃ svāhā

28_ **Độc Lâu Trọng Thủ** (Tay cầm cây gậy đầu lâu):



Tay thứ bảy trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

Câu thứ 36 trong văn của bài Chú là: “**Y hê di hê**” dịch nghĩa là *thuận dạy bảo* (Thuận Giáo) tức **Độc Lâu Trọng Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 13 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần chẳng dám chống trái thì nên cầu nơi tay Độc Lâu Trọng (Cây gậy đầu lâu)*”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 28:

“*Nếu người nào vì sai khiến tất cả Quỷ Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây gậy đầu lâu*”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 29 là:

Nếu người muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần nên tác pháp Độc Lâu (gậy đầu lâu) Tượng **PHỘC QUỶ QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT**... chỉ có tay phải cầm cây gậy đầu lâu, quyền trái đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Quyền trái đặt ở eo, co cánh tay phải đưa lên trên tác Kim Cương Quyền, dùng ấn làm thể triệu mời.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) NOA SỬ DÃ MA TÁT PHẢ ĐÀ LA (Đầu người chết) TÁT PHỘC NGHIỆT LA HA (tất cả Quỷ) A PHỘC XẢ (thu nhiếp cột trời) SA PHỘC HA.

ॐ वज्रधर्म मृतामनुष्य मस्य सर्वा मन्त्रवन् मन्त्रिणस्य

Om_Vajra-dharma mṛta-manuṣya-māspha-dhāra, sarva grahā aviśa svāhā

29_ **Sổ Châu Thủ** (Tay cầm tràng hạt):



Tay thứ ba trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarṣaṇi)

Câu thứ 38 trong văn của bài Chú là: **“Phật la xá lợi”** dịch nghĩa là *thân giác ngộ* (Giác Thân) tức **Sổ Châu Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 14 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn mười phương chư Phật mau đến trao tay thì nên cầu nơi tay Sổ Châu”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 29:

“Nếu người nào vì chư Phật ở mười phương mau đến trao vào bàn tay thì nên cầu nơi bàn tay cầm tràng hạt”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 27 là:

Nếu vì chư Phật đến trao vào tay nên tu pháp Sổ châu (tràng hạt). Tượng NIỆM CHÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT....Xong tay phải cầm chuỗi tràng hạt, tay trái đặt ở đầu gối như thế xoa, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là: Hai tay phải trái cầm chuỗi tràng hạt trì niệm, đội trên đỉnh đầu 3 lan, làm tướng Quy Mệnh.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC ĐÁT THA
NGHIỆT ĐA (tất cả Như Lai) NHẬP PHỘC LA (quang minh) BỐ NHẠ (tay) MÃU
LẬT LA HÀM (ấn lên tôi) SA PHỘC HẠ

ॐ वज्रधर्म सर्व तथगतज्वालाभुजा मुद्रा मम स्वहा

Om_Vajra-dharma sarva tathāgata-jvala-bhūja mudra mām svāhā

30_ **Bảo Đạc Thủ** (Tay cầm cái chuông báu):



_ Tay thứ sáu trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_ Câu thứ 33 trong văn của bài Chú là: “**Giá la giá la**” dịch nghĩa là *hành động* tức **Bảo Đạc Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 35 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn thành tựu tất cả tiếng Phạm Âm màu nhiệm thì nên cầu nơi tay Bảo Đạc (Cái chuông báu nhỏ)*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 30:

“*Nếu người nào vì thành tựu tất cả tiếng Phạm Âm thượng diệu thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái chuông báu (Bảo Đạc)*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 30 là:

Nếu muốn thành tựu Phạm Âm thượng diệu (âm thanh tiếng Phạm tuyệt diệu) nên tác pháp Bảo Đạc (cái chuông báu nhỏ). Tượng **PHÁP ÂM QUÁN TỰ TẠI**,xong tay trái cầm cái chuông Kim Cương báu, tay phải nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Đem 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay cào nhẹ 3 lần.

Chân Ngôn là:

ÁN_ **PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA** (Kim Cương Pháp) **PHỆ XẢ HỘC** (chuông vui hô) **TẮT ĐÀ MỘT LA HA MA NGỘT LÝ** (Phạm âm thành tựu) **A KHẮT XOA LA** (vô tận) **SA PHỘC HA**.

ॐ वज्रधर्म वेदात्मः सिद्धब्रह्म ह्रीं अक्षया स्वहा

Oṃ_ **Vajra-dharma veśa hoḥ, siddha brahma Hrīḥ akṣāya svāhā**

31_ **Bảo Ấn Thủ** (Tay cầm cái Ấn báu):



_ Tay thứ ba trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_ Câu thứ 24 trong văn của bài Chú là: “**Tát bà tát bà**” dịch nghĩa là *tất cả lợi lạc* tức **Bảo Ấn Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 24 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn thành tựu miệng nói , biện luận hay khéo thì nên cầu nơi tay Bảo Ấn*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 31:

“*Nếu người nào vì Khẩu Nghiệp biện luận khéo léo thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Ấn báu*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 31 là:

Nếu muốn thành tựu diệu biện tài (biện thuyết khéo léo) nên tác pháp Bảo Ấn. Tượng **TRÍ ÁN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT**... chỉ có tay phải đặt trên trái tim cầm cái hình ấn báu, tay trái nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Dùng tay phải ấn lên trái tim.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) CHỈ NHƯỜNG NẮNG MẪU LẬT LA (Trí Ấn) NI THẤP PHỘC NẮNG (Mọi loại Pháp) MA HỘ NA DĨ (lớn rộng) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म ज्ञानमुद्रा विष्वान् महान्या स्वहा

Om_Vajra-dharma jñāna-mudra viśvana mahā-nāya svāhā

32_ **Câu Thi Thiết Câu Thủ** (Tay cầm cây Thiết Câu):



_Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarsaṇi)

_Câu thứ 31 trong văn của bài Chú là: “**Địa lợi ni**” dịch nghĩa là *che giữ sự chẳng lành* tức **Câu Thi Thiết Câu Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_**Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 17 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ thì nên cầu nơi tay Câu Thi Thiết Câu*”

_**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 32:

“*Nếu người nào vì Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Câu Thi Thiết Câu*”

_**Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 32 là:

Nếu muốn Trời, Rồng, Thiện Thần đến gia hộ nên tác Pháp Thiết Câu. Tượng **CÂU TRIỆU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT** ấy.... chỉ có tay trái cầm cái móc câu, tay phải nắm quyền đặt ở eo, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn đó là: Tay trái nắm quyền, dựng ngón trỏ như hình móc câu mà triệu mời.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) **CÂU XA NHẠ** (Câu triệu) **TÁT PHỘC ĐỀ PHỆ NĂNG NGHỆ** (Tất cả Trời Rồng) **LA KHẮT XOA HÀM** (ủng hộ) **SA PHỘC HẠ**.

ॐ वज्रधर्म ऋकुषा जह सर्व देवे नागे रक्षाम स्वहा

Oṃ Vajra-dharma amkuśa jah, sarva deve nāge rakṣa māṃ svāhā

33_ **Tích Trượng Thủ** (Tay cầm cây Tích Trượng):



Tay thứ tám trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

Câu thứ 28 trong văn của bài Chú là: **“Di đế lợi dạ”** dịch nghĩa là *Đại Bi* tức **Tích Trượng Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 18 trong Kinh Văn:

“Nếu vì Từ Bi muốn che giúp tất cả Chúng Sinh thì nên cầu nơi tay Thiết Trượng”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 33:

“Nếu người nào vì Từ Bi che giúp tất cả chúng sinh thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Tích Trượng”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 33 là:

Nếu người cầu Tâm Từ Bi nên tác Pháp Tích Trượng. Tướng TỪ TRUỞNG QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.....xong tay phải cầm cây Tích Trượng, tay trái để ở rốn hướng lên trên, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn đó là: Hai tay cài buộc bên trong, Hoả luân (ngón giữa) vững chắc viên mãn như hình Tích Trượng.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TAM MUỘI GIA (Bản thể) MA HA CA LÔ NÍ CA GIA (Đầy đủ Tâm Đại Bi) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म समया मह-कारुणिकया स्वहा

Oṃ_Vajra-dharma samaya mahā-kāruṇikāya svāhā

34_ **Hợp Chưởng Thủ** (Hai tay chấp lại):



_ Tay thứ nhất trong tám tay thuộc Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Kính Ái (Puṣṭika)

_ Câu thứ 44 trong văn của bài Chú là: “**Tất lợi tất lợi**” dịch nghĩa là *Thù thắng cát tường* tức **Hợp Chưởng Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 26 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn khiến cho tất cả Quý, Thần, Rồng, Rắn, Cọp, Sói, Sư Tử, Người, Phi Nhân thường cung kính yêu nhớ nhau thì nên cầu nơi tay Hợp Chưởng*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đời Đường, là tướng tay thứ 34:

“*Nếu người nào vì tất cả chúng sinh thường cung kính yêu nhớ nhau thì nên cầu nơi bàn tay Hợp Chưởng*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 34 là:

Nếu cầu được người kính yêu nên tu Pháp Hợp Chưởng. Tượng HIỆN KÍNH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.....chỉ có hai tay để ngang trái tim tác Liên Hoa Hợp Chưởng, tượng thành xong.



Tượng Ấn đó như tay Ấn của tượng.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TẤT ĐÀ PHỘC THÍ CA LA (Thành tựu Kính Ái) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्मसिद्धावासिकारणास्वाहा

Oṃ_Vajra-dharma siddha vaśikaraṇa svāhā

35_ **Hóa Phật Thủ** (Tay nâng vị Hóa Phật):



_ Tay thứ nhất trong tám tay của Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tức Tai (Śāntika)

_ Câu thứ 38 trong văn của bài Chú là: “**A la sâm**” dịch nghĩa là *tự tại nơi Pháp* tức **Hóa Phật Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 37 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn đời đời sinh ra chẳng xa lìa và ở bên cạnh chư Phật thì nên cầu ở tay Hóa Phật*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 35:

“*Nếu người nào vì đời đời chẳng lìa bên chư Phật thì nên cầu nơi bàn tay Hóa Phật*”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 35 là:

Nếu người muốn chẳng xa lìa và ở bên cạnh Đức Phật thì có thể tu Pháp Hóa Phật. Tượng BÁT LY QUÁN TỰ TẠI..... chỉ có trên lòng bàn tay trái đặt vị Hoá Phật, tay phải làm cái bàn đỡ Tòa Hóa Phật, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: chắp hai tay lại giữa rỗng.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT ĐÀ BA LA MẬT ĐÀ (Thành tựu đạo bí ngàn) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सिद्धापरमिता स्वहा

Oṃ_ Vajra-dharma siddha pāramita svāhā

36_ **Hóa Cung Điện Thủ** (Tay Hóa Cung Điện):



Tay thứ tư trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

Câu thứ 34 trong văn của bài Chú là: **“Phật ma la”** dịch nghĩa là *tối thắng ly cấu* tức **Hóa Cung Điện Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 38 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn đời đời kiếp kiếp ở trong Cung Điện của Phật, chẳng ở trong bào thai để thọ thân thì nên cầu nơi tay Hóa Cung Điện”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 36:

“Nếu người nào vì đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện của Phật, chẳng nhận thân ở trong bào thai thì nên cầu nơi bàn tay Hóa Cung Điện”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 36 là:

Nếu muốn chẳng thọ thân trong bào thai nên tác Pháp Cung Điện. Tượng ĐẠI THỂ QUÁN TỰ TẠI.....xong tay trái cầm cái hình Cung Điện, tay phải co cánh tay hướng ra ngoài hiển chương, vẽ tượng xong.



Tướng Ấn là: Hai tay cài nhau bên trong, dựng đứng 2 ngón giữa, co như hình cái điện.

Chân Ngôn là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) TÁT PHỘC BÁ DÃ NHẠ HẠ DÃ (Hoại tất cả nẻo ác) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म सर्वपापहर्त्र्य स्वहा

Oṃ_Vajra-dharma sarva apāyajahāya svāhā

37_ **Bảo Kinh Thủ** (Tay cầm quyển Kinh báu):



Tay thứ ba trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

Câu thứ 53, 54, 55, 56 trong văn của bài Chú là: **“Tất đà dạ, sa bà ha, ma ha tất đà dạ, sa bà ha”** dịch nghĩa là *thành tựu Trí Tuệ* tức **Bảo Kinh Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng BÁT KHÔNG Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 39 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn thông minh, nghe nhiều học rộng chẳng quên mất thì nên cầu nơi tay Bảo Kinh (Quyển Kinh báu)”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc GIÀ PHẠM ĐẠT MA Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 37:

“Nếu người nào vì nghe nhiều học rộng thì nên cầu nơi bàn tay cầm quyển Kinh báu”

Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 37 là:

Nếu người cầu đa văn nên tác Pháp Bát Nhã Kinh. Tượng BÁT NHÃ QUÁN TỰ TẠI.....chỉ có tay phải để ngang trái tim cầm Trí Ấn xuất sinh Bát Nhã Lý Thú Kinh, tay trái kết Quyển Ấn, tượng thành xong.



Tượng Ấn dùng Phạm Giáp Ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) BÁT LA NHẠ (Bát Nhã hay Trí Tuệ) TỐ ĐẠT TẬN (quyển Kinh) MA HA NA DA (lớn rộng) SA PHỘC HẠ.

ॐ वज्रधर्म प्रज्ञासुत्रं महान्या स्वहा

Om_ Vajra-dharma prajña-sutraṃ mahā-nāya svāhā

38_ **Bất Thoái Kim Luân Thủ** (Tay cầm bánh xe báu):



Tay thứ năm trong tám tay thuộc Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Điều Phục (Abhicāruka)

Câu thứ 46 trong văn của bài Chú là: **“Bồ đề dạ bồ đề dạ”** dịch nghĩa là *Giác Đạo Giác Tâm* tức **Bất Thoái Kim Luân Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 40 trong Kinh Văn:

“Nếu muốn từ thân này cho đến được Phật Thân chẳng bị thoái chuyển Tâm Bồ Đề thì nên cầu nơi tay Bất Thoái Kim Luân”

Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 38:

“Nếu người nào vì từ Thân hiện tại cho đến Thân Phật, Tâm Bồ Đề thường chẳng thoái chuyển thì nên cầu nơi bàn tay cầm Bất Thoái Kim Luân”

Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh: Tướng tay Ấn thứ 38 là:

Nếu vì Tâm Bồ Đề chẳng thoái chuyển nên tu Pháp Bất Chuyển Luân. Tượng **BÁT CHUYỂN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT**... xong tay phải cầm Kim Luân (bánh xe vàng) tay trái ấn tòa làm thế bất động, vẽ tượng xong.



Tượng Ấn là: Tay trái ấn mặt đất, tay phải nắm quyền dưng Phong (ngón trỏ) và Không (ngón cái) như thế cầm bánh xe.

Chân Ngón là:

ÁN PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) **TÁT ĐÀ BỒ ĐỊA CHẤT ĐÁ** (Thành tựu Tâm Bồ Đề) **PHỘC LẬT NA CHƯỐC KHẮT LA** (Kim luân) **A TÁT NOA** (không có lay động) **SA PHỘC HẠ**.

ॐ वज्रधर्म (सर्व ब्रह्मेवं श्रद्धावत् सुवर्ण चक्रं अचला स्वहा

Om_ Vajra-dharma siddha bodhi-citta suvarṇa-cakra acala svāhā

39_ **Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ** (Tay nâng vị Hóa Phật trên đỉnh đầu)



_Tay thứ hai trong tám tay thuộc Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Câu Triệu (Akarsaṇi)

_ Câu thứ 47 trong văn của bài Chú là: “**Bồ đà dạ bồ đà dạ**” dịch nghĩa là *Trí giả Giác giả* tức **Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ Nhân** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 25 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn mười phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký thì nên cầu nơi tay Đỉnh Thượng Hóa Phật*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 39:

“*Nếu người nào vì chư Phật ở mười phương mau đến xoa đỉnh đầu thọ ký thì nên cầu nơi bàn tay Đỉnh Thượng Hóa Phật*”

_ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 39 là:

Nếu người muốn được tất cả Như Lai quán đỉnh thọ ký nên tu pháp Đỉnh Thượng Hoá Phật. Tượng **QUÁN ĐỈNH QUÁN TỰ TẠI**..... chỉ có 2 tay quyền, trên đỉnh đầu đặt vị Hóa Phật, vẽ tượng xong.



Tướng ấn là: Hai tay cài buộc bên trong, dựng kèm 2 ngón cái dè lên bên cạnh ngón trỏ. Đem ấn đặt ở đỉnh đầu, rồi bung ấn.

Chân Ngôn là:

ÁN _ **PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA** (Kim Cương Pháp) **TỶ TRU GIẢ** (Quán đỉnh) **BÁT LA ĐỀ XA** (truyền cho) **BỒ ĐÀ ĐẠT LA NI** (Phật Địa) **SA PHỘC HẠ**.

ॐ वज्रधर्म मकरधर्म धर्मक वज्रधर्म स्वहा

Om_ Vajra-dharma abhiṣaika prāṭiccha buddha-dhāranām svāhā

40_ **Bồ Đào Thủ** (Tay cầm chùm Bồ Đào):



_ Tay thứ tám trong tám tay thuộc Ma Ni Bộ (Maṇi-kulāya) của Mật Pháp, là Pháp Tăng Ích (Vaśikaraṇa)

_ Câu thứ 66,67 trong văn của bài Chú là: “**Sa bà ma ha a tát đà dạ, sa bà ha**” dịch nghĩa là *thành tựu vô lượng* tức **Bồ Đào Thủ Nhãn** trong tướng tay Đại Bi.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**: Bản dịch của Tam Tạng **BÁT KHÔNG** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 41 trong Kinh Văn:

“*Nếu muốn có được quả trái, các thứ lúa gạo thì nên cầu nơi tay Bồ Đào*”

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**: Bản dịch của Tây Thiên Trúc **GIÀ PHẠM ĐẠT MA** Pháp Sư ở Đồi Đường, là tướng tay thứ 40:

“*Nếu người nào vì quả trái, các thứ lúa đậu thì nên cầu nơi bàn tay cầm chùm Bồ Đào*”

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bát Bí Mật Pháp Kinh**: Tướng tay Ấn thứ 40 là:

Nếu vì thành tựu ngũ cốc ,tất cả thực vật nên tu Pháp Bồ Đào.Tượng **HỘ ĐỊA QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT**.... chỉ có tay trái cầm chùm Bồ Đào, tay phải là thế Thí Nguyệt Khế, tượng đó thành rồi.



Tượng Ấn là: quyền trái đặt ở eo, tay phải duỗi các ngón ấn lên mặt đất.

Chân Ngôn là:

ÁN_ PHỘC NHẬT LA ĐẠT MA (Kim Cương Pháp) **TẮT ĐÀ ĐẠT LA NI, SA LA, SA LA** (địa vị thành tựu) **SA PHỘC HẠ**.

ॐ वज्रधर्मसिद्धाधरानामसालासलस्वहा

Om_ Vajra-dharma siddha dhārānām, sala sala svāhā